



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn International** / Member Firm of **agn International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BÁO CÁO CHIA SẺ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÁO ĐƠN KẾ TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CHI TIẾT VỀ TIỀN TỆ

TÀI CHÍNH CÔNG TY TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-38

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoàng Hà chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp lệ theo đúng trình tự quy định của pháp luật và theo đúng các quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được sự trợ giúp của:

- 1. Các công ty dịch vụ kiểm toán độc lập và các đơn vị cung cấp dịch vụ khác;
- 2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan;
- 3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý và các quy định khác có liên quan;
- 4. Các đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các quy định khác có liên quan;
- 5. Các đơn vị cung cấp dịch vụ khác có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
3. Ông Phan Văn Thuận	Ủy viên
4. Ông Lưu Tuấn Anh	Ủy viên
5. Ông Lê Văn Sinh	Ủy viên
6. Ông Lưu Minh Sơn	Ủy viên

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
2. Ông Dương Đức Cường	Thành viên
3. Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Lưu Huy Hà	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032601/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFFC)
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.468.596.780	190.902.267.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.925.590.445	35.360.760.523
1. Tiền	111		4.925.590.445	18.360.760.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	17.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.292.502.703	62.880.113.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	71.991.105.869	4.187.321.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	19.387.321.984	9.640.615.176
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	17.980.000.000	42.980.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.934.074.850	6.072.176.926
III. Hàng tồn kho	140	V.6	25.061.417.871	89.239.988.712
1. Hàng tồn kho	141		25.061.417.871	89.239.988.712
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.189.085.761	3.421.404.647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.182.999.911	3.138.625.162
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	260.107.788
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	6.085.850	22.671.697
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		418.222.679.079	386.530.393.565
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.298.195.727	12.082.410.367
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.298.195.727	12.082.410.367
II. Tài sản cố định	220		352.786.921.551	325.005.212.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	291.283.864.484	271.471.482.498
- Nguyên giá	222		407.527.586.843	376.901.004.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.243.722.359)	(105.429.521.668)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	61.503.057.067	53.533.729.625
- Nguyên giá	225		75.280.865.832	64.182.637.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.777.808.765)	(10.648.907.659)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.000.000)	(75.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.010.196.352	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.010.196.352	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		42.332.570.000	42.332.570.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	42.332.570.000	42.332.570.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.794.795.449	7.110.201.075
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	18.794.795.449	7.110.201.075
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		568.691.275.859	577.432.660.899

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		214.483.425.826	246.745.932.334
I. Nợ ngắn hạn	310		89.117.643.678	134.357.150.566
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	4.989.651.617	4.482.419.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	15.000.000	956.016.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	2.699.198.654	3.702.420.446
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		452.611.083	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	6.877.736.780	32.892.383.005
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	74.060.447.461	92.300.913.182
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.998.083	22.998.083
II. Nợ dài hạn	330		125.365.782.148	112.388.781.768
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		10.733.586.433	212.394.715
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	23.100.000	800.691.615
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	114.609.095.715	111.375.695.438
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		354.207.850.033	330.686.728.565
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	354.207.850.033	330.686.728.565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		288.401.250.000	288.401.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		288.401.250.000	288.401.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		300.000.000	300.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.574.492.813	41.053.371.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.430.204.287	432.459.842
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		38.144.288.526	40.620.911.503
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		568.691.275.859	577.432.660.899



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	346.101.283.293	275.060.031.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	346.101.283.293	275.060.031.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	271.119.137.544	214.709.083.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.982.145.749	60.350.947.999
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.281.238.323	9.674.480.418
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.501.508.594	14.052.648.113
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.500.648.153	14.052.648.113
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.568.771.126	12.444.605.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.193.104.352	43.528.174.856
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.302.139.938	8.110.341.655
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.586.585.955	770.645.715
13. Lợi nhuận khác	40		(284.446.017)	7.339.695.940
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.908.658.335	50.867.870.796
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	9.764.369.809	10.246.959.293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.144.288.526	40.620.911.503
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.323	1.793
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.323	1.793



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	304.439.386.985	329.401.690.228
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(179.174.622.904)	(223.477.960.453)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(39.670.308.720)	(33.497.126.382)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(18.056.975.070)	(15.924.766.860)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(11.546.990.565)	(11.337.208.803)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	21.469.828.974	439.285.361
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(29.893.396.544)	(28.224.533.068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.566.922.156	17.379.380.023
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(58.953.134.977)	(112.517.762.175)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.182.000.000	11.454.545.456
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.855.623.741)	(137.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.855.623.741	94.120.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(25.300.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.803.578.851	6.969.823.581
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.967.556.126)	(162.373.393.138)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	85.074.550.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	150.943.703.592	237.435.592.265
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(170.090.238.771)	(133.181.446.646)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(29.467.077.988)	(14.066.448.320)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.420.062.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.033.675.667)	175.262.247.299
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.434.309.637)	30.268.234.184
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.360.760.523	5.092.002.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(860.441)	523.837
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.925.590.445	35.360.760.523



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc
Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 cấp ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 689 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 574 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 288.401.250.000 đồng (Hai trăm tám tám tỷ, bốn trăm linh một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tương ứng với 28.840.125 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyên phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT - BTC.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào Công ty liên kết (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động. Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	05 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí đại tu, đóng mới vỏ xe, chi phí bảo hiểm đăng kiểm xe và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.690.080.925	2.633.423.864
Tiền gửi ngân hàng	1.235.509.520	15.727.336.659
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
Cộng	4.925.590.445	35.360.760.523

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
<i>Các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh Bất động sản</i>	<i>56.444.631.149</i>	-
Lương Văn Thạc	1.937.287.500	-
Vũ Văn Thiệp - Lô 24	1.434.655.000	-
Khách hàng khác	53.072.688.649	-
<i>Hoạt động kinh doanh vận tải và mua bán xe</i>	<i>15.546.474.720</i>	<i>4.187.321.350</i>
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	484.141.013	860.864.703
Trần Thị Bông	1.860.520.000	-
Công ty CP Thương mại Du lịch Tiền Bình	1.193.720.000	-
Khách hàng khác	12.008.093.707	3.326.456.647
Cộng	71.991.105.869	4.187.321.350
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 7.1)	604.540.013	1.092.535.700

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH ô tô Thái Dương	10.000.000.000	-
Công ty TNHH tư vấn thiết kế phương tiện cơ giới đường bộ Thái Bình	6.695.817.376	7.238.246.400
Công ty CP ô tô Đô Thành	-	1.298.557.918
Các người bán khác	2.691.504.608	1.103.810.858
Cộng	19.387.321.984	9.640.615.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tiến Bình (*)	17.980.000.000	17.980.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	-	25.000.000.000
Cộng	17.980.000.000	42.980.000.000

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tiến Bình vay theo hợp đồng ngày 02 tháng 04 năm 2015 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 02 tháng 04 năm 2017, lãi suất 10%/năm, thời hạn cho vay đến ngày 02 tháng 04 năm 2018, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	2.441.435.000	816.000.000
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuê tài chính	3.329.722.047	2.552.043.926
Lãi phải thu về cho vay, đầu tư	3.101.916.435	625.011.000
Phải thu khác	61.001.368	2.079.122.000
Cộng	8.934.074.850	6.072.176.926

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.294.512.226	-	6.602.248.101	-
Công cụ, dụng cụ	112.830.063	-	81.188.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.493.375.830	-	76.334.287.716	-
Hàng hoá	5.160.699.752	-	6.222.264.895	-
Cộng	25.061.417.871	-	89.239.988.712	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	179.499.729.534	27.610.650.144	159.877.774.162	9.912.850.326	376.901.004.166
Mua trong năm	-	-	31.342.388.820	44.000.000	31.386.388.820
Mua lại TSCĐ Thuê Tài chính	-	106.605.200	7.573.380.756	-	7.679.985.956
Nâng cấp, sửa chữa trong năm	21.148.018.181	-	-	-	21.148.018.181
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(29.587.810.280)	-	(29.587.810.280)
Tại ngày 31/12/2017	200.647.747.715	27.717.255.344	169.205.733.458	9.956.850.326	407.527.586.843

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2017	18.936.418.100	11.507.695.899	69.930.295.415	5.055.112.254	105.429.521.668
Khấu hao trong năm	6.518.395.972	2.661.393.538	18.022.246.586	971.084.541	28.173.120.637
Mua lại TSCĐ Thuê Tài chính	-	106.605.200	3.943.448.230	-	4.050.053.430
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(21.408.973.376)	-	(21.408.973.376)
Tại ngày 31/12/2017	25.454.814.072	14.275.694.637	70.487.016.855	6.026.196.795	116.243.722.359

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2017	160.563.311.434	16.102.954.245	89.947.478.747	4.857.738.072	271.471.482.498
Tại ngày 31/12/2017	175.192.933.643	13.441.560.707	98.718.716.603	3.930.653.531	291.283.864.484

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 273.911.650.246 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 177.727.424.227 đồng) cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình; Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình và Ngân hàng TMCP An Bình .

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 17.401.920.918 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	64.182.637.284	64.182.637.284
Tăng trong năm	18.755.454.542	18.755.454.542
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(7.657.225.994)	(7.657.225.994)
Tại ngày 31/12/2017	<u>75.280.865.832</u>	<u>75.280.865.832</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	10.648.907.659	10.648.907.659
Khấu hao trong năm	7.178.954.536	7.178.954.536
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.050.053.430)	(4.050.053.430)
Tại ngày 31/12/2017	<u>13.777.808.765</u>	<u>13.777.808.765</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	<u>53.533.729.625</u>	<u>53.533.729.625</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>61.503.057.067</u>	<u>61.503.057.067</u>

9. Tài sản cố định vô hình

	Hệ điều hành Taxi và Phần mềm chuyển phát nhanh	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	75.000.000	75.000.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>75.000.000</u>	<u>75.000.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	75.000.000	75.000.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>75.000.000</u>	<u>75.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.010.196.352	-
Cộng	<u>1.010.196.352</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	1.975.568.559	3.010.842.822
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.894.845	66.393.062
Chi phí trả trước khác	179.536.507	61.389.278
Cộng	2.182.999.911	3.138.625.162
b. Dài hạn		
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	17.978.322.258	6.376.056.238
Công cụ dụng cụ xuất dùng	566.509.078	683.629.736
Chi phí trả trước khác	249.964.113	50.515.101
Cộng	18.794.795.449	7.110.201.075

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	17.332.570.000	(*)	17.332.570.000	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	25.000.000.000	(*)	25.000.000.000	(*)
Cộng	42.332.570.000	-	42.332.570.000	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty liên kết này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên.

Một số thông tin về các công ty liên doanh liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	Quảng Ninh	34,67%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
2.	Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Thái Bình	45,54%	Mua bán xăng dầu, phụ tùng ô tô và kinh doanh xe ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư XNK may Thăng Long	1.269.819.646	1.269.819.646	374.416.925	374.416.925
Công ty CP TM Thái Bình Xanh	465.052.168	465.052.168	128.165.516	128.165.516
Công ty TNHH Đại Đức An	415.655.240	415.655.240	415.655.240	415.655.240
Công ty TNHH MTV Thụy Dương	332.184.930	332.184.930	292.349.008	292.349.008
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiên Bình	115.044.343	115.044.343	674.570.952	674.570.952
Phải trả cho các đối tượng khác	2.391.895.290	2.391.895.290	2.597.262.209	2.597.262.209
Cộng	4.989.651.617	4.989.651.617	4.482.419.850	4.482.419.850
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh 7.1)	469.346.668	469.346.668	154.614.706	154.614.706

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH xây dựng - chuyển giao Hoàng Long	-	-	880.111.000	880.111.000
Các đối tượng khác	15.000.000	15.000.000	75.905.000	75.905.000
Cộng	15.000.000	15.000.000	956.016.000	956.016.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.671.697	99.606.807	83.020.960	1.085.850
Các loại thuế khác	5.000.000	4.000.000	4.000.000	5.000.000
Cộng	22.671.697	103.606.807	87.020.960	6.085.850
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	22.637.881	27.766.808.876	27.656.734.772	132.711.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.679.782.565	10.415.159.848	11.546.990.565	2.547.951.848
Thuế thu nhập cá nhân	-	734.786.996	716.252.175	18.534.821
Tiền thuế đất	-	77.618.469	77.618.469	-
Cộng	3.702.420.446	38.994.374.189	39.997.595.981	2.699.198.654

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty CP Đầu tư XNK may Thăng Long	6.816.852.355	12.431.603.856
Lê Thị Kim Cúc	-	1.500.000.000
Hoàng Thị Bình	-	3.600.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	60.884.425	15.360.779.149
Cộng	6.877.736.780	32.892.383.005
b. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.100.000	308.691.615
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	492.000.000
Cộng	23.100.000	800.691.615

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	39.467.599.461	39.467.599.461	127.295.703.592	151.362.642.771	63.534.538.640	63.534.538.640
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	14.979.886.237	14.979.886.237	37.118.754.932	23.103.368.695	964.500.000	964.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	24.487.713.224	24.487.713.224	90.176.948.660	82.047.518.676	16.358.283.240	16.358.283.240
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 3	-	-	-	46.211.755.400	46.211.755.400	46.211.755.400
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	19.432.696.000	19.432.696.000	-	-	16.923.496.000	16.923.496.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	15.160.152.000	15.160.152.000	-	-	11.842.878.542	11.842.878.542
Cộng	74.060.447.461	74.060.447.461			92.300.913.182	92.300.913.182

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/416446 ngày 02 tháng 11 năm 2017. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 15 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các ô tô của công ty với tổng giá trị 9.800.000.001 đồng.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 021/01/17/00160/VCBTB-KHDN ngày 07 tháng 02 năm 2017. Hạn mức cho vay không vượt quá 40 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng- bên xe khách công ty Cổ phần Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng). Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Hoàng Hà theo các hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo trị giá 133.410.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
Mẫu số B 09 - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay dài hạn của Công ty	100.335.821.000	100.335.821.000	23.648.000.000	18.727.596.000	95.415.417.000	95.415.417.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	994.000.000	994.000.000	-	1.415.000.000	2.409.000.000	2.409.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	44.684.933.000	44.684.933.000	-	6.800.000.000	51.484.933.000	51.484.933.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	49.717.688.000	49.717.688.000	17.600.000.000	9.403.796.000	41.521.484.000	41.521.484.000
Ngân hàng TMCP An Bình (iv)	4.939.200.000	4.939.200.000	6.048.000.000	1.108.800.000	-	-
Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	48.866.122.715	48.866.122.715	33.606.547.723	29.467.077.988	44.726.652.980	44.726.652.980
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam (v)	18.475.860.000	18.475.860.000	23.511.400.000	7.480.400.000	2.444.860.000	2.444.860.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (vi)	30.390.262.715	30.390.262.715	10.095.147.723	21.986.677.988	42.281.792.980	42.281.792.980
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	19.432.696.000	19.432.696.000			16.923.496.000	16.923.496.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	7.200.000.000	7.200.000.000			6.800.000.000	6.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	430.000.000	430.000.000			1.415.000.000	1.415.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.593.096.000	10.593.096.000			8.708.496.000	8.708.496.000
Ngân hàng TMCP An Bình	1.209.600.000	1.209.600.000			-	-
Trừ: Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	15.160.152.000	15.160.152.000			11.842.878.542	11.842.878.542
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	5.534.400.000	5.534.400.000			528.000.000	528.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	9.625.752.000	9.625.752.000			11.314.878.542	11.314.878.542
Cộng	114.609.095.715	114.609.095.715			111.375.695.438	111.375.695.438

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/416446/HDDTD ngày 13 tháng 02 năm 2015, giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình. Số tiền vay là 1.974.000.000 đồng để đầu tư mua ô tô nhãn hiệu Samco 34 chỗ ngồi mới 100% phục vụ vận tải hành khách. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên với lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/416446/HDBD ngày 13 tháng 02 năm 2015.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay); Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng kỳ ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chờ khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên kế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của công ty CP Hoàng Hà.

- (iv) Hợp đồng tín dụng số 119/17/TD-TT/XXXI ký ngày 13 tháng 01 năm 2017 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức là 15.120.000.000 đồng để đầu tư 50 xe ô tô Huyndai Grand i10 Sendai bán 1.2 MT Base nhập khẩu nguyên chiếc mới 100% để hoạt động kinh doanh taxi với thương hiệu Taxi Hoàng Hà. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định tại thời điểm giải ngân trên từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay. Nội dung chi tiết được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/17/TC-TT/XXXI ngày 13/01/2017; Giấy nhận nợ số 119/17/TD-TT/XXXI.01 ngày 16 tháng 1 năm 17, số tiền vay 6.048.000.000 VND, lãi suất cho vay 8,1%/năm trong 12 tháng, sau 12 tháng lãi suất thay đổi theo quy định của ABBANK hoặc phê duyệt cụ thể, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 02 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiền Phong
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (v) Khoản Nợ thuế tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06 tháng 8 năm 2015 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 3.870.700.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015. Số nợ thuế tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 1.916.860.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.105/2017/TSC-CTTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 5.643.900.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Fuso đời. Số nợ thuế tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 4.510.000.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.089/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 6.054.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 08 xe ô tô khách Samco 46 chỗ - Động cơ Hino. Số nợ thuế tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 4.856.200.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.088/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 8.966.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 12 xe ô tô khách Samco 46 chỗ - Động cơ Hino. Số nợ thuế tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 7.192.800.000 đồng.
- (vi) Khoản Nợ thuế tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo các hợp đồng:
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuế xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến có định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuế tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.223.730.608 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 Phố Lý Bôn, Phường Tiền Phong
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐC TTC-HH1 ngày 17 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.513.166.957 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐC TTC-HH2 ngày 29 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.902.533.150 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.02.16/HĐC TTC-HH ngày 18 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.156.905.600 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐC TTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.119.971.800 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 04.01.16/HĐC TTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.403.071.600 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.01.16/HĐC TTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.239.683.000 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐC TTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.831.200.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Các khoản phải trả do thuê tài chính:

Trong vòng một năm

Từ năm thứ hai đến năm thứ năm

Sau năm năm

Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)

Số phải trả sau 12 tháng

	31/12/2017	01/01/2017
	15.160.152.000	12.659.134.542
	33.705.970.715	48.118.122.715
	-	748.000.000
	48.866.122.715	61.525.257.257
	15.160.152.000	12.659.134.542
	33.705.970.715	48.866.122.715

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Các khoản phải trả do vay dài hạn:

Trong vòng một năm

Từ năm thứ hai đến năm thứ năm

Sau năm năm

Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)

Số phải trả sau 12 tháng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	19.432.696.000	16.923.496.000
	80.903.125.000	93.463.288.000
	-	8.676.633.000
	100.335.821.000	119.063.417.000
	19.432.696.000	16.923.496.000
	80.903.125.000	102.139.921.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	170.149.100.000	932.107.220	300.000.000	33.610.059.842	204.991.267.062
Vốn góp tăng trong năm	85.074.550.000	-	-	-	85.074.550.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	40.620.911.503	40.620.911.503
Phân phối lợi nhuận trong năm	33.177.600.000	-	-	(33.177.600.000)	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	288.401.250.000	932.107.220	300.000.000	41.053.371.345	330.686.728.565
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	38.144.288.526	38.144.288.526
Trả cổ tức bằng (*)	-	-	-	(14.420.062.500)	(14.420.062.500)
Chi thường cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát (*)	-	-	-	(203.104.558)	(203.104.558)
Số dư tại ngày 31/12/2017	288.401.250.000	932.107.220	300.000.000	64.574.492.813	354.207.850.033

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 09 tháng 04 năm 2017, Công ty trích 0,5% lợi nhuận sau thuế năm 2016 để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tương đương với 203.104.558 đồng và chia cổ tức với tỷ lệ 14% tương đương với 40.376.170.000 đồng. Trong đó, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% (tương đương với 14.420.062.500 đồng) trước tháng 09 năm 2017, phần còn lại đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn hình thức và thời điểm chi trả, hoàn thiện thủ tục theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u> Cổ phiếu	<u>01/01/2017</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu phổ thông	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu phổ thông	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Khu vực địa lý (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Tổng cộng VND
Năm 2017				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	81.808.120.539	170.236.119.989	94.057.042.765	346.101.283.293
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu thuần	81.808.120.539	170.236.119.989	94.057.042.765	346.101.283.293
Chi phí phân bổ	81.564.387.279	143.299.519.356	73.044.272.306	297.908.178.941
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	243.733.260	26.936.600.633	21.012.770.459	48.193.104.352
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	243.733.260	26.936.600.633	21.012.770.459	48.193.104.352
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	61.117.984.109	-	61.117.984.109
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.591.408.250	15.797.110.081	8.728.050.537	32.116.568.867
Số dư tại ngày 31/12/2017				
Tài sản bộ phận	5.160.699.752	558.037.200.277	5.493.375.830	568.691.275.859
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	5.160.699.752	558.037.200.277	5.493.375.830	568.691.275.859
Nợ phải trả bộ phận	-	214.483.425.826	-	214.483.425.826
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	214.483.425.826	-	214.483.425.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Khu vực địa lý (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Tổng cộng VND
Năm 2016				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	96.554.784.182	142.484.857.888	36.020.389.545	275.060.031.615
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu thuần	96.554.784.182	142.484.857.888	36.020.389.545	275.060.031.615
Chi phí phân bổ	93.031.143.589	110.242.154.188	28.258.558.982	231.531.856.759
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.523.640.593	32.242.703.700	7.761.830.563	43.528.174.856
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.523.640.593	32.242.703.700	7.761.830.563	43.528.174.856
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	12.099.500.794	111.490.181.391	4.513.797.380	128.103.479.565
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.280.620.787	27.822.603.106	2.343.026.389	36.446.250.282
Số dư tại ngày 31/12/2016				
Tài sản bộ phận	87.212.844.326	262.998.136.490	106.548.349.560	456.759.330.376
Tài sản không phân bổ	-	-	-	120.673.330.523
Tổng tài sản	87.212.844.326	262.998.136.490	106.548.349.560	577.432.660.899
Nợ phải trả bộ phận	86.607.565.372	127.805.853.937	32.309.514.942	246.722.934.251
Nợ phải trả không phân bổ				22.998.083
Tổng nợ phải trả	86.607.565.372	127.805.853.937	32.309.514.942	246.745.932.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	346.101.283.293	275.060.031.615
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.236.119.989	142.484.857.888
- Doanh thu bán hàng hóa	81.808.120.539	96.554.784.182
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	94.057.042.765	35.950.994.095
- Doanh thu khác	-	69.395.450
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	346.101.283.293	275.060.031.615

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	130.122.849.156	101.527.727.644
Giá vốn hàng hóa đã bán	75.232.249.164	87.125.817.320
Giá vốn bất động sản	65.764.039.224	26.055.538.652
Cộng	271.119.137.544	214.709.083.616

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.532.358.607	8.699.996.634
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.748.125.679	973.959.947
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	754.037	523.837
Cộng	6.281.238.323	9.674.480.418

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.500.648.153	14.052.648.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	860.441	-
Cộng	18.501.508.594	14.052.648.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	9.233.333.170	7.100.257.082
Chi phí công cụ dụng cụ	257.762.622	113.344.843
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.705.000.125	1.262.551.331
Thuế, phí và lệ phí	74.946.974	32.805.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.878.192	3.435.529.983
Chi phí bằng tiền khác	1.459.850.043	500.116.511
Cộng	14.568.771.126	12.444.605.448

6. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	7.208.122.973
Thu tiền bồi thường bảo hiểm xe	241.465.000	248.570.000
Các khoản thu nhập khác	1.060.674.938	653.648.682
Cộng	1.302.139.938	8.110.341.655

7. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản bị phạt chậm nộp	76.979.564	336.925.667
Các khoản chi phí khác	1.249.203.473	433.720.048
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	260.402.918	-
Cộng	1.586.585.955	770.645.715

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	47.908.658.335	50.867.870.796
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	913.190.710	366.925.667
Cộng: Chi phí không được trừ	913.190.710	366.925.667
+ Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ	836.211.146	-
+ Các khoản phạt	76.979.564	366.925.667
Tổng thu nhập tính thuế	48.821.849.045	51.234.796.463
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.764.369.809	10.246.959.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.144.288.526	40.620.911.503
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.144.288.526	40.620.911.503
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	28.840.125	22.652.573
Lãi cơ bản/suy giảm trên một cổ phiếu	1.323	1.793
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.505.936.751	47.145.603.793
Chi phí nhân công	41.438.374.835	35.327.574.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.352.075.173	28.518.056.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.916.332.945	101.523.943.727
Chi phí khác bằng tiền	7.667.203.118	3.846.981.500
Cộng	163.879.922.822	216.362.159.460

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.135.105.636	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	1.264.670.000	-
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.870.435.636	-
Mua hàng	43.962.619.041	-
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	6.735.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	43.630.241.386	-
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	325.642.155	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.045.709.244	529.525.170
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	1.045.709.244	529.525.170

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	604.540.013	1.092.535.700
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	120.399.000	231.670.997
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	484.141.013	860.864.703
Phải trả người bán ngắn hạn	469.346.668	154.614.706
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	4.294.500	6.735.500
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	465.052.168	128.165.516
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	-	19.713.690

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Khoản mục		
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	420.480.000	418.027.000
Cộng	420.480.000	418.027.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại như sau:

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu ngày	Phân loại lại	Số sau
		01/01/2017 trên báo cáo kiểm toán		phân loại lại
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	246.745.932.334	-	246.745.932.334
I. Nợ ngắn hạn	310	133.756.106.566	601.044.000	134.357.150.566
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	91.699.869.182	601.044.000	92.300.913.182
II. Nợ dài hạn	330	112.989.826.768	(601.044.000)	112.388.781.768
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	111.976.739.438	(601.044.000)	111.375.695.438
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	270	577.432.660.899	-	577.432.660.899



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc
Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập